

## KINH 108 TÊN CỦA TỶ CÂU CHI BỒ TÁT

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_Triều Tấn Đại Phu Thí Hồng Lô  
Thiếu Khanh\_Truyền Giáo Đại Sư (Kẻ bầy tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh tất cả Như Lai Ứng Cúng Biến Tri Giác

Nay con nói **Nhất Thiết Như Lai Tâm Chân Ngôn** này. Nếu có Trời, Người ,  
chúng Trì Minh Tiên quy mệnh cúng dường tất cả chư Phật, thọ trì đọc tụng với  
khen nói Chân Ngôn sẽ thông đạt Pháp Tướng.

Nếu xứng chữ **Án** (OM) là nghĩa *viên mãn*

Nếu xứng chữ **Năng** (NA) là nghĩa *lià sự sợ hãi*. Cũng gọi là nghĩa *phá ma*

Nếu xứng chữ **Sa** (SA) là nghĩa *hàng phục oan gia chướng ngại*

Nếu xứng chữ **Nễ** (NI) là nghĩa *phá hoại oán địch*.

Nếu người sợ hãi dùng sức Chân Ngôn xa lià sợ hãi

Liền nói Đà La Ni là:

**Án, bột-lý câu chi, đất chi, phệ đất chi, phệ đất chi, phệ đất chi, thấp-phệ  
đa nhạ chi nễ, tát-phộc hạ, tát phộc hạ**

OM BHRKUTĪ TAṬI VĪTAṬI VĪTAṬI VĪTAṬI ‘SVETA JAṬINI SVÀHÀ

**Ca la du số, nghe-dã năng, bát nột-ma hạt tát-đổ nột-bà phộc, phộc la, ma  
la đất-la dã, vĩ năng xá dã, vĩ bà phộc đất-la vĩ mẫu tả nễ, hồng ca lý, tát đất-lý  
bà phộc nhạ-phộc lộ ma, ca lỗ ma la, già đa nễ, tát-phộc hạ.**

KÀRÀYEṢU JÑĀNAM PADMA-HASTA- UDBHAVA VARA BALA-  
TRAYA VINÀ’SĀYA VIBHAVA TRA-VIMOCANĪ HŪM-KĀRĪ STRIBHAVA  
JVALUMĀ KĀRU MĀRA GHĀTANĪ SVÀHÀ

**Ca lý noa, bổ sắt-trí-dã tông nhạ ca lý, cữu ma, năng xá nam**

KĀREṆA PUṢṬYA VYAÑJAKĀRĪ JIHMA NĀ’SANAM

**Năng ma khứ-dã, bế đa đất-phệ năng, bột-lý câu trá-dã sắt-tra thiết đa  
nễ phệ, vĩ nễ-du đa ma**

NĀMA ĀKHYĀPI-TATTVENA BHRKUTĪYA AṢṬA-‘SATA DEVĪ  
VIDYA-UTTAMĀ

**Vĩ nễ-dã đà lý, vĩ nễ-diệm ma la, nễ phộc tất nễ**

VIDYĀ-DHARĪ VIDYAM-BALĀ NIVĀSINĪ

**Vĩ nễ-dã nghe nỉ phộc-dã lỗ bế, thất-lý**

VIDYA-JÑĀ DIVYA-RŪPE ‘SRĪ

**Vĩ nễ-dã la nhạ, ba la nhạ đa, a nhạ đa, tăng đất-la, sa đất-la sa nễ, vĩ cận-  
năng, già đa nễ.**

VIDYA-RĀJA APARĀJITA AJITA SAM-TRĀSA TRASANI VIGHNA-  
GHĀTANI

**Bát nột-mãng nghĩ, bát nột-ma kinh nhạ lê-kế, bát nột-mẫu nột-bà phộc, vĩ xá lê nễ nga lý**

**Thấp-phệ đa, ma la tinh nga, lỗ bế, tả, tinh nga, kế xá nghĩ nễ, môn tả nhạ**

**‘SVETA-MÀLÀ PIṄGA-RÙPE CA PIṄGA-KE’SA AGNI MUṄCA-JÀ  
Nhập-phộc la nễ, đát ba nễ lao nại-lý, câu ma lý, vĩ thấp-phộc lỗ bế, nê nga ma lý**

**JVALANÌ TÀPANÌ RAUDRI KUMÀRI VI’SVA-RÙPENÌGHA MÀRI  
Tô một-la đa, thiết đa tác khất-xoa đa, nại đa, nhạ đa, ma tha la  
SUVRATA ‘SATA SÀKṢÀTA DATTA AJITAM ACCHA-RÀ  
Địa-dã năng thức la ma để, bát-la nghệ-dã, ngu noa nghệ-dã, ngu noa sa nga la, đa la nê, đa la nê**

**DHYÀNA ‘SÌLA MATI PRAJÑA GUṄA-JÑA GUṄA-SÀGARA  
TÀRAṆI TÀRAṆI**

**Đát đát-phộc nghệ-dã, đát đát-phộc tam bà phộc**

**TATVA-JÑA TATTVA SAMBHAVA**

**Bát nột-ma hạt tát-đỏ nột-bà phộc dã, la đà ca**

**PADMA-HASTA UDBHAVÀYA RÀDDHAKA**

**Vĩ la phộc lỗ đa ma, phộc la na, phộc la , tam bố la noa**

**VÌRA VARA-UTTAMA VARADA VARA SAMPÛRṆA**

**Na xá phổ đi, bát-la để sắt-xỉ đa, nga lý-nhạ đa, minh già, tăng ca xá, vĩ nễ-du để nhạ ca, tam bà phộc.**

**DA’SABHÙMI PRATIṢṬHA GARJITA MEGHA SAMKÀ’SVA VIDYU-  
TEJÀKA SAMBHAVA**

**Mao nhạ nhạ trí, nhạ tra đà lý**

**MAUJÑÌ-JAṬI JAṬA-DHARI**

**Một-la hám ma, vĩ nễ-dã đà lý**

**BRAHMA VIDYA-DHARI**

**Phộc la, đà la nê, đà la nê, đà để**

**VARA-DHÀRAṆÌ DATTE**

**Na năng vĩ nễ-dã, ba la cật-la ma**

**DÀNA VIDYA PRARAKRAMA**

**Tát đồ lý-phổ nhạ, tạt đồ lý-năng sắt-tra-la, phổ nhạ , sa hạ tát-la , ba la nhạ đa**

**CATURBHUJA CATUR-DAMṢṬRA BHUJA-SAHASRA APARAJITA**

**Tát đồ lý-phộc cật-đát-la nê ca, phộc cật-đát-la, tả**

**CATUR-VAKTRA ANÌKA-VAKTRA CA**

**Phộc cật-đát-la, lạc khất-xoa, ba la nhạ đa, đát-lý nễ đát-la, vĩ phộc-dã nễ đát-la, tả**

**VAKTRA LAKṢA APARAJITA TRI-NETRA VYÀ-NETRA CA**

**Tát bát-đa lạc khất-xoa, lý-ca lộ tả năng, bán tả lộ tả năng, tam bố la-noa**

**SAPTA-LAKṢA ARKA LOCANA PAMCA-LOCANA SAMPÛRṆA**

Sa tra-tỳ nghê-dã, nghê-dã năng, lộ tả năng, a bát-la ma noa, bát-la ma noa, tả

SAD-ABHIÑJA JÑANA LOCANA APRAMÀNA APRAMÀNA CA

Tế-du ma ba đa la bố la nê, tốc khát-xoa-ma, la-tha, vĩ-dược cật-đa, nghiễm tỳ la vĩ nê-dã, na nê thấp-phộc lý.

JYOŠTAMA PÀTALA PÙRANI SÙKŠMA ARTHA VYAKTA  
GAMBHÌRA VIDYA NÀDÌ'SVARI

Ba la a nghĩ-nê, kế thi nỉ xá nhạ phộc lê, sa hạ tát-la lý tức lý

PARA-AGNI KE'SI DI'SA JVALE SAHASRA ARCI RI

Nhạ-phộc lê đa năng để phộc hạ-nê, nhập-phộc lạc gia tán đa bế

JVALITAM ATÌ VAHNI JVALÀYA SAMTÀPI

Nhạ-phộc lê đăng nghĩ sa ca, mạn noa lộ khứ lăng-nga, thước cật-để đà la, bá xá.

JVALITAMGE SAKA MAÑDALO KHADGA 'SAKTI DHÀRA-PÀ'SA

Cật-lý sắt-noa nhạ năng, nê phộc tỳ nê, ác khát-xoa tố đất-la đà la

KRŠNA-JINA NIVÀSINI AKŠA-SUTRA DHARA

Vĩ nê-dã nan noa, bát nội-mãng câu thi, sa la tát-pha-la, ngật-lý hứ đa

VIDYA-DANĐA PADMA-AÑKU'SE SÀRA SPHARA GRHÌTA

Sa-đát-la mục ca nhạ-phộc la, bát-la nỉ ba nê na hạ năng

ASTRA EKA-JVALA PRADÌPA NIDÌ HANA

Ma la vĩ cận-năng đa, bát-la nhạ-phộc la để, đát-lý du lê nê, la nhạ đăng nhạ dã, nhạ dã để

MÀRA-VIGHNATÀ PRAJVALITE TRI'SÙLINI AJITAM-JAYA JAYATÌ

Phộc thấp-phệ đa, bát nội-mãng nga ma lê nê ca di nê ca di

IVA 'SVETA PADMÀMGA MÀLINI KÀME NIKÀME

Nê ca ma lỗ bế tả, tất địa tất địa, phộc la bát-la na

NIKÀMA-RÙPE SIDDHI SIDDHI VARA PRADA

Vĩ bố sử đa, lăng cật-lý đăng nghĩ tả

VIBHÙŠITA ALAMKRTAMGE CA

Nê lý-phổ sái noa, tô phổ sái noa, bộ đa ma đa vĩ xá, lạc khát-sử

NIRBHÙŠANA SUBHÙŠANA BHÙTA MÀTA AVI'SA ALAKŠÌ

Bát nội-ma kế sa la, ma lê nê, phổ di nê

PADMA-KESARA MÀLINI BHÙMI-DÌ

Phộc nhật-la tam tỳ nỉ, tác cật-la, nhạ-phộc lộ lạc ca, bá đa nê

VAJRA SAMBHINNI CAKRA JVALA-ULKA-PÀTANI

Tát đạt lý ma đà la nê, mỗi đát-la, sa vĩ-dựng đát-lý

SADDHARMA DHÀRANI MATRA SÀVITRÌ

Một đà, ma đa tả hiến đà lý, nại la di nê, tán nê

BUDDHA-MÀTA CA GÀNDHÀRI DRÀMIDI CAÑDI

Xá phộc lý, xá phộc lý, mẫu nê, sa hạ tát-la yết lý-ma, ma hạ du nghệ yết lý-ma, tất đà đát-lý

‘SÀVARI ‘SÀVARI MUṆI SAHASRA-KARMA MAHÀ-YOGI-KARMA  
SIDDHA ATRI

**Vĩ cật-la ma, bát-la san năng, mẫu già bá xá tả, ca lỗ noa tát đất-phộc,  
phộc tha la nhạ, nga đở**

VIKRAMA PRASANNA AMOGHA-PÀ'SA CA KÀRUṆA-SATTVA  
VAT-SALA JAGATI

**Đà đất-ly tam bán năng nễ lý-phộc nê, tô bát-la đở sắt-đá đa, tát-phộc hạ.  
DHATR SAMPANNA NIRVÀṆI SUPATIṢṬHITA SVÀHÀ**

**Nhất Bách Bát Danh Bí Mật Chân Ngôn** này. Nếu có người một lòng thọ trì, đọc tụng. Hoặc tự viết chép hoặc vì người giải nói sẽ tăng Thọ, tốt lành, phước tướng đoan chính, mọi người yêu kính, xa lìa cảnh Ma, ra khỏi nạn sinh tử, được Trời, Người, A Tu La cung kính cúng dường. Lại được hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Nga Lỗ Noa... chúng Trì Minh Tiên tôn trọng khen ngợi. Hết thủy gông cùm , xiềng xích, cấm trói..tự nhiên giải thoát.Sư Tử, cọp, sói, các Quỷ đói ác, oan gia, trộm cướp...chẳng thể bức hại. Gió bạo ác, lử mạnh, sấm sét, mưa đá, sông, biển, thuyền trôi nổi, thuốc độc, bệnh nặng... chẳng thể xâm lấn gây tổn hại

Nếu có người niệm tên của **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkṣi) thời Bồ Tát luôn luôn cứu giúp. Hết thủy các Ma ác, oan gia đến gây bức não..lúc ấy Bồ Tát ngậm phóng ánh sáng của thân chiếu khắp hư không như trăm ngàn mặt trời. Ánh sáng ấy đẹp rực rỡ dứt hết Ma oan cho đến trời đất thủy đều thanh tịnh. Lại khiến người ấy tăng trưởng Trí Tuệ, ở trong bảy đời được Túc Mệnh Thông, sinh trong giòng Sát Đế Lợi, làm thân quốc vương. Từ đây, khi mệnh chung sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây.

KINH 108 TÊN CỦA TỖ CẬU CHỈ BỔ TÁT (Hết)

18/11/2008